

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công
nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 3523/TTr-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ chi tiết danh mục và Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2024, với những nội dung cụ thể như sau:

1. Nguyên tắc điều chỉnh, bổ sung

a) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ chi tiết danh mục và Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2024, nhưng có điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của các dự án cho phù hợp với tình hình triển khai thực tế.

b) Việc điều chỉnh tăng, giảm mức vốn phân bổ cho từng dự án không làm thay đổi tổng các nguồn vốn đã được phân bổ.

2. Điều chỉnh trong phạm vi Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ chi tiết danh mục và Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2024

a) Điều chỉnh tên chủ đầu tư của 01 dự án và điều chỉnh nội dung đầu tư của 01 dự án sử dụng vốn Ngân sách Trung ương (vốn trong nước) (tại Biểu tổng hợp ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND) cho phù hợp với các quyết định chủ trương và quyết định đầu tư;

b) Điều chỉnh tên chủ đầu tư của 01 dự án sử dụng vốn Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (tại Phụ lục I.a ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND) cho phù hợp với các quyết định chủ trương và quyết định đầu tư; điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 02 dự án để bổ sung danh mục của 01 dự án và bổ sung kế hoạch vốn cho 08 dự án với tổng số vốn điều chỉnh là 19.391 triệu đồng; trong đó, tăng/giảm là 6.000 triệu đồng;

c) Điều chỉnh tên 01 dự án sử dụng vốn Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (tại Phụ lục I.c ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND) cho phù hợp với các quyết định chủ trương và quyết định đầu tư;

d) Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025: bổ sung danh mục của 82 dự án (trong đó có 01 công trình thực hiện dự án và 81 công trình chuẩn bị đầu tư); điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 04 dự án (trong đó có 01 công trình thực hiện dự án, 03 công trình chuẩn bị đầu tư) do chưa có khối lượng thanh toán; bổ sung tăng kế hoạch vốn cho 01 công trình thực hiện dự án và 81 công trình chuẩn bị đầu tư, với tổng số vốn điều chỉnh là 6.300 triệu đồng; trong đó, tăng/giảm là 2.530 triệu đồng;

đ) Điều chỉnh kế hoạch vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết năm 2024: điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 03 dự án; bổ sung danh mục của 01 dự án và tăng

kế hoạch vốn cho 02 dự án, với tổng số vốn điều chỉnh là 273.017 triệu đồng; trong đó, tăng/giảm là 9.100 triệu đồng.

3. Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2023 chuyển sang năm 2024, với tổng số vốn là 117.574 triệu đồng

a) Bổ sung kế hoạch vốn chi trả nợ gốc cho các khoản vay lại của chính quyền địa phương vay cho 02 dự án;

b) Bổ sung kế hoạch vốn để tất toán, quyết toán, thanh toán khối lượng các công trình hoàn thành cho 06 dự án;

c) Bổ sung danh mục 04 dự án và bổ sung kế hoạch vốn cho 05 dự án để triển khai thực hiện các công trình quan trọng, bức xúc của địa phương.

(Nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2024 tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

4. Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 từ nguồn bội chi ngân sách địa phương, với tổng số vốn bổ sung là 15.800 triệu đồng.

(Danh mục chi tiết Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2024 (nguồn bội chi ngân sách địa phương) tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Kiểm toán nhà nước KV IX;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng: ĐDBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH tỉnh;
- Trang TTĐT ĐBND tỉnh Bến Tre, Trung tâm TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.



Huỳnh Quang Triệu



Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH BẾN TRE NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 11 /2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

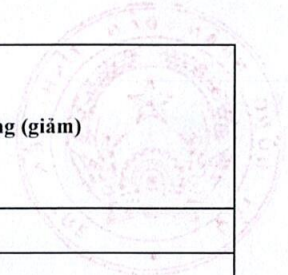
ĐVT: Triệu đồng


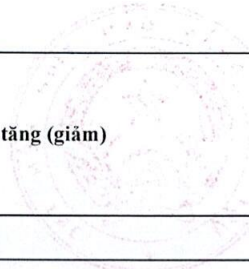
STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2024			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG	356.175	473.749	135.204	17.630	
A	Điều chỉnh trong phạm vi Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh	356.175	473.749	135.204	17.630	
I	Điều chỉnh tên chủ đầu tư và nội dung đầu tư của các dự án sử dụng vốn NSTW (vốn trong nước)					
1	Xây dựng đê bao ngăn mặn kết hợp đường giao thông nối liền các huyện biển Bình Đại, Ba Tri, Thạnh Phú					Điều chỉnh chủ đầu tư trong Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND là Ban QLDA các công trình NNPTNT thành Ban QLDA các công trình giao thông cho phù hợp với Quyết định phê duyệt dự án
2	Mộ và khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu (Danh nhân văn hóa được UNESCO ghi danh năm 2021)					Điều chỉnh nội dung đầu tư trong Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND từ "Chuẩn bị đầu tư" thành "Thực hiện dự án"
II	Điều chỉnh chủ đầu tư; điều chỉnh, bổ sung danh mục và kế hoạch vốn của dự án sử dụng vốn NSTW thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	19.391	19.391	6.000	6.000	
1	Tuyến từ cầu Đông Kinh đến rạch Bảo Vàng, xã Phú Sơn					Điều chỉnh chủ đầu tư từ UBND huyện Chợ Lách thành UBND xã Phú Sơn

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2024		Lý do điều chỉnh tăng (giảm)	
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn		Điều chỉnh giảm vốn
2	3	4	5	6	7	
2	Xây dựng đường ĐX.04 (đoạn từ đường dẫn vào cầu Cổ Chiên (QL.60 mới) đến HL.17), xã Thành Thới A	2.500	3.000	500		Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
3	Đường ĐX.04 (đoạn từ HL.17 đến Kênh đồng), xã Thành Thới B	1.020	1.520	500		Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
4	Đường ĐX.04 (đoạn từ đường ĐH.20 - ĐX.01) xã Khánh Thạnh Tân	1.621	2.121	500		Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
5	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.03 (đoạn từ ĐH.DK.38 - giáp xã Phú Sơn và nhánh rẽ giáp xã Vĩnh Hòa), xã Phú Mỹ	2.000	2.500	500		Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
6	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.01 (đoạn từ QL.57B đến giáp Đường ĐH.07), xã Bình Thới	1.000	3.000	2.000		Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
7	Đường ĐX.09 (đoạn từ ĐH.08 đến giáp đường Bắc - Nam), xã Bình Thới	1.000	1.500	500		Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
8	Nhà văn hoá xã Bình Thới	1.000	2.000	1.000		Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
9	Đường ĐX.06 (đoạn từ cầu treo xã Định Trung đến cầu Bình Trung) xã Định Trung, giai đoạn 1		500	500		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai công tác chuẩn bị đầu tư
10	Nâng cấp, mở rộng và xây mới đường ĐX.05 (đoạn từ QL.57B đến giáp Đê sông Tiền), xã Long Định	2.550	1.550		1.000	Giảm vốn do dự án đã hoàn thành, hết nhu cầu vốn
11	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.06 (đoạn từ ĐX.01 đến ĐX.04), xã Vang Quới Tây	6.700	1.700		5.000	Giảm vốn do dự án đã hoàn thành, hết nhu cầu vốn


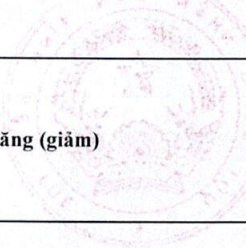


STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2024		Lý do điều chỉnh tăng (giảm)	
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn		Điều chỉnh giảm vốn
2	3	4	5	6	7	
III	Điều chỉnh tên dự án sử dụng vốn Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững					
1	Đường ĐC.02 (từ đường ĐH.DK.04 đến nhà bà Trần Thị Hồng tổ NDTQ số 9), ấp Giồng Gạch; Đường ĐC.08 (Từ ngã 3 An Điền Bé đến Kênh Thanh Niên), xã An Hiệp					- Điều chỉnh tên dự án từ "Đường ĐC.02 (từ đường ĐH.DK.04 đến nhà bà Trần Thị Hồng tổ NDTQ số 9), ấp Giồng Gạch; Đường ĐC.04 (Từ ngã 3 An Điền Bé đến Kênh Thanh Niên), xã An Hiệp" thành "Đường ĐC.02 (từ đường ĐH.DK.04 đến nhà bà Trần Thị Hồng tổ NDTQ số 9), ấp Giồng Gạch; Đường ĐC.08 (Từ ngã 3 An Điền Bé đến Kênh Thanh Niên), xã An Hiệp"
IV	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại quyết định số 26/2020/QĐ-TTg	6.300	6.300	2.530	2.530	
IV.1	Thực hiện dự án	4.000	4.000	910	910	
1	Lập Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	4.000	3.090		910	Giảm vốn cho phù hợp với tiến độ thực hiện dự án
2	Dự án Hạ tầng vùng nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre		910	910		Bổ sung vốn đối ứng GPMB
IV.2	Chuẩn bị đầu tư	2.300	2.300	1.620	1.620	
1	Bố trí vốn thực hiện công tác lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt công bố, điều chỉnh quy hoạch (bao gồm quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành)					




Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2024			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
		Tổng cộng	Trong đó		
			Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
2	3	4	5	6	7
Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Địa Dừa, xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam	2.100	680		1.420	Giảm vốn cho phù hợp với tiến độ triển khai dự án
2 Đầu tư kết cấu hạ tầng và trang thiết bị phục vụ chế biến sản phẩm Hợp tác xã nông nghiệp Thăng Lợi - Chợ Lách	100			100	Chưa thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư
3 Đầu tư trang thiết bị phục vụ chế biến sản phẩm Hợp tác xã Phước Mỹ Trung - Mỏ Cày Bắc	100			100	Chưa thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư
4 Xây dựng mới Cầu Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm		100	100		
5 Xây dựng mới Cầu Thạnh Tân, xã Bình Thạnh, huyện Thạnh Phú		100	100		
6 Đầu tư, mở rộng bãi rác An Hiệp, huyện Ba Tri (giai đoạn 2)		100	100		
7 Trung tâm hành chính xã Bình Thắng, huyện Bình Đại		100	100		
8 Trung tâm hành chính xã Thạnh Trị, huyện Bình Đại		100	100		
9 Khắc phục sụp lún mái kè bảo vệ bờ biển khu vực Cồn Bưng, xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre		100	100		
10 Trung tâm hành chính huyện Bình Đại (giai đoạn 2)		100	100		


STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2024		Lý do điều chỉnh tăng (giảm)	
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn		Điều chỉnh giảm vốn
2	3	4	5	6	7	
11	Dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử đường Hồ Chí Minh trên biển (giai đoạn 2)		100	100		
12	Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử chùa Tuyên Linh		100	100		
13	Trường THPT Quảng Trọng Hoàng, huyện Mộ Cày Nam		10	10		
14	Trường MN Nguyễn Thế Hùng, huyện Châu Thành		10	10		
15	Trường TH Thị Trấn, huyện Châu Thành		10	10		
16	Trường MG Tiên Thủy, huyện Châu Thành		10	10		
17	Trường TH Tiên Thủy A, huyện Châu Thành		10	10		
18	Trường TH Tiên Thủy B, huyện Châu Thành		10	10		
19	Trường Mầm non Nhuận Phú Tân, huyện Mộ Cày Bắc		10	10		
20	Trường THCS Nguyễn Văn Bánh, huyện Mộ Cày Bắc		10	10		
21	Trường Mầm non Khánh Thạnh Tân, huyện Mộ Cày Bắc		10	10		
22	Trường tiểu học Khánh Thạnh Tân I, huyện Mộ Cày Bắc		10	10		
23	Trường THCS Nguyễn Văn Xiểu, huyện Mộ Cày Bắc		10	10		



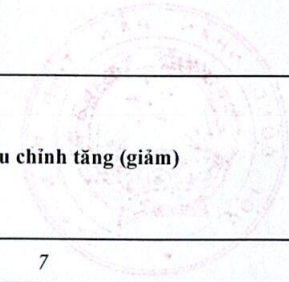
STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2024			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
24	Trường Mầm Non Phú Mỹ, huyện Mỏ Cày Bắc		10	10		
25	Trường TH Phú Mỹ, huyện Mỏ Cày Bắc		10	10		
26	Trường THCS Nguyễn Thị Nhân, huyện Mỏ Cày Bắc		10	10		
27	Trường MN Phước Mỹ Trung, huyện Mỏ Cày Bắc		10	10		
28	Trường TH Phước Mỹ Trung, huyện Mỏ Cày Bắc		10	10		
29	Trường THCS Nguyễn Thị Hai, huyện Mỏ Cày Bắc		10	10		
30	Trường tiểu học Hưng Khánh Trung A, huyện Mỏ Cày Bắc		10	10		
31	Trường THCS Đặng Thị Hai, huyện Mỏ Cày Bắc		10	10		
32	Trường TH-THCS Võ Thị Giàu, huyện Mỏ Cày Bắc		10	10		
33	Đường huyện dự kiến 38, huyện Mỏ Cày Bắc		10	10		
34	Đường huyện dự kiến 41, huyện Mỏ Cày Bắc		10	10		
35	Đường huyện 39, huyện Mỏ Cày Bắc		10	10		
36	Đường huyện 18, huyện Mỏ Cày Bắc		10	10		




STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2024		Lý do điều chỉnh tăng (giảm)	
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn		Điều chỉnh giảm vốn
1	2	3	4	5	6	7
37	Các cầu (cầu số 1, cầu Giồng Dầu, cầu Tân Nhuận) trên Đường huyện 19, huyện Mỏ Cày Bắc		10	10		
38	ĐX.02 đoạn 2 (ĐX.02 (trụ sở ấp) đến Huyện lộ 19 (ấp Giồng Lớn)), xã Nhuận Phú Tân, huyện Mỏ Cày Bắc		10	10		
39	Đường ĐA.04 (đoạn 1), xã Nhuận Phú Tân, huyện Mỏ Cày Bắc		10	10		
40	Đường ĐA.04 (đoạn 2), xã Nhuận Phú Tân, huyện Mỏ Cày Bắc		10	10		
41	Đường ĐA.06, xã Nhuận Phú Tân, huyện Mỏ Cày Bắc		10	10		
42	ĐC.02, xã Nhuận Phú Tân, huyện Mỏ Cày Bắc		10	10		
43	ĐC.07, xã Nhuận Phú Tân, huyện Mỏ Cày Bắc		10	10		
44	Đường ĐX.01 (Đường 8/3 liên xã Khánh Thạnh Tân - Tân Bình), xã Khánh Thạnh Tân (giai đoạn 2), huyện Mỏ Cày Bắc		10	10		
45	Đường ĐC 03, xã Phú Mỹ, huyện Mỏ Cày Bắc		10	10		
46	Đường ĐC 08, xã Phú Mỹ, huyện Mỏ Cày Bắc		10	10		
47	Nâng cấp huyện lộ 25 (đoạn từ trường TH Mỹ Hưng đến HL92), huyện Thạnh Phú		10	10		



STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2024		Lý do điều chỉnh tăng (giảm)	
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn		Điều chỉnh giảm vốn
2	3	4	5	6	7	
48	Nâng cấp huyện lộ 27 (đoạn từ QL57 đến đường ba huyện), huyện Thạnh Phú		10	10		
49	Nâng cấp huyện lộ 26 (đoạn từ HL17 đến chợ Hòa Lợi), huyện Thạnh Phú		10	10		
50	Nâng cấp huyện lộ 30, huyện Thạnh Phú		10	10		
51	Nâng cấp huyện lộ 28, huyện Thạnh Phú		10	10		
52	Đường từ QL. 57 - Cụm Công nghiệp C2, huyện Thạnh Phú		10	10		
53	Đường vào Cụm Công nghiệp An Điền, huyện Thạnh Phú		10	10		
54	Đường từ QL. 57 - Khu Công nghiệp An Nhơn, huyện Thạnh Phú		10	10		
55	Đường DX. 03, xã An Điền, huyện Thạnh Phú		10	10		
56	Đường ĐA. 12, xã An Điền, huyện Thạnh Phú		10	10		
57	Đường ĐA. 07, xã An Thạnh, huyện Thạnh Phú		10	10		
58	Đường ĐA. 08, xã An Thạnh, huyện Thạnh Phú		10	10		
59	Đường DX. 01 (QL. 57 - Nhà ông Tâm), xã An Thuận, huyện Thạnh Phú		10	10		
60	Đường ĐA. 04, xã An Thuận, huyện Thạnh Phú		10	10		



STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2024			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
61	Đường ĐX. 03, xã Bình Thạnh, huyện Thạnh Phú		10	10		
62	Đường ĐA. 02, xã Bình Thạnh, huyện Thạnh Phú		10	10		
63	Đường ĐA. 14, xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú		10	10		
64	Đường ĐA. 15, xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú		10	10		
65	Đường ĐA. 04, xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú		10	10		
66	Đường ĐA. 05, xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú		10	10		
67	Đường ĐX. 01, xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú		10	10		
68	Đường ĐA. 02, xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú		10	10		
69	Trường Mẫu giáo Hoa Lan, xã Đại Hòa Lộc, huyện Bình Đại		10	10		
70	Trường Mẫu giáo Bình Đông, xã Thừa Đức, huyện Bình Đại		10	10		
71	Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ, xã Vang Quới Đông, huyện Bình Đại		10	10		



STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2024			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
72	Trường Mẫu giáo Sen Hồng, xã Bình Thắng, huyện Bình Đại		10	10		
73	Trường Mẫu giáo Thạnh Trị, xã Thạnh Trị, huyện Bình Đại		10	10		
74	Xây dựng Trường Mầm non Hoa Mai, xã Định Trung, huyện Bình Đại		10	10		
75	Xây dựng Trường THCS Trịnh Viết Bằng, xã Định Trung, huyện Bình Đại		10	10		
76	Đường DX.01 (đường ấp Thừa Tiên), xã Thừa Đức, huyện Bình Đại		10	10		
77	Đường DX .01: giáp ranh thị trấn - Đường DX.03 (kết nối về trung tâm xã), xã Bình Thắng, huyện Bình Đại		10	10		
78	Đường DX.04 (đường giáp ranh đường Bắc Nam đến ngã tư rạch Gừa, xã Phú Long), xã Thạnh Trị, huyện Bình Đại.		10	10		
79	Đường DX.01 (nâng cấp mở rộng mặt đường, hệ thống cống thoát nước 02 bên tuyến đường trung tâm xã), xã Phú Vang, huyện Bình Đại		10	10		
80	Nâng cấp láng nhựa mặt đê sông Tiền (đoạn từ xã Phú Vang đến giáp ranh xã Định Trung), xã Phú Vang, huyện Bình Đại		10	10		

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2024			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
81	Đường liên xã (ĐH.09) - ĐX.02, xã Vang Quới Đông, huyện Bình Đại		10	10		
82	Nhà văn hóa xã Thừa Đức, huyện Bình Đại		10	10		
83	Nhà văn hóa xã Bình Thắng, huyện Bình Đại		10	10		
84	Nhà văn hóa xã Thạnh Trị, huyện Bình Đại		10	10		
V	Điều chỉnh, bổ sung danh mục và kế hoạch vốn Xổ số kiến thiết	273.017	273.017	9.100	9.100	
	Thực hiện dự án	273.017	273.017	9.100	9.100	
1	Kế hoạch số 5837/KH-UBND ngày 27/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số sử dụng vốn NSNN tỉnh Bến Tre					
1.1	Nâng cấp sàn thương mại điện tử Bến Tre (bentrade.vn)	2.000	1.800		200	Giảm vốn cho phù hợp với tiến độ thực hiện dự án
1.2	Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực	5.000	100		4.900	Giảm vốn cho phù hợp với tiến độ thực hiện dự án
2	Khu di tích lịch sử - văn hóa, cách mạng Bung Lạc Địa	8.000	4.000		4.000	Giảm vốn cho phù hợp với tiến độ thực hiện dự án
3	Trường Mầm non An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam		1.814	1.814		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để tất toán, quyết toán
4	Đầu tư xây dựng CSHT Khu Công nghiệp Phú Thuận	258.017	265.303	7.286		Bổ sung vốn để triển khai các gói thầu còn lại, đảm bảo hoàn thành dự án trong năm 2025

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2024		Lý do điều chỉnh tăng (giảm)	
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn		Điều chỉnh giảm vốn
1	2	3	4	5	6	7
B	Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT năm 2023 chuyển sang năm 2024	57.467	175.041	117.574		Bổ sung kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT năm 2023 chuyển sang năm 2024 là 117.574 triệu đồng
1	Chi trả nợ gốc cho các khoản vay lại của chính quyền địa phương vay					Theo quy định tại Điều 12, Nghị định 93/2018/NĐ-CP của Chính phủ
	<i>Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Bến Tre</i>	440	710	270		
	<i>Dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre</i>	6.400	8.880	2.480		
2	Bổ trí vốn kế hoạch để tất toán, quyết toán, thanh toán khối lượng các công trình hoàn thành					
	<i>Xây dựng tuyến ống cấp nước khu vực Cù Lao Long Thành xã Sơn Phú và Hưng Phong, huyện Giồng Trôm</i>		108	108		
	<i>Dự án xói lở bờ biển khu vực Cồn Lợi, xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú</i>		279	279		
	<i>Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã và XDM các công trình phụ xã Sơn Định phụ trợ xã Sơn Định</i>		9	9		
	<i>Đường HL.33 xã Hòa Nghĩa, Huyện Chợ Lách</i>		2	2		
	<i>Trung tâm Y tế huyện Thạnh Phú</i>		68	68		



STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2024			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
	Trường Tiểu học Quới Điền		16	16		
3	Trường TH Lê Hoàng Chiểu		500	500		Triển khai dự án do công trình xuống cấp nghiêm trọng, không đảm bảo công tác giảng dạy và học tập
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ mở rộng Nhà máy xử lý rác thải Bến Tre		30.000	30.000		Ưu tiên triển khai dự án do cấp thiết về ổn định môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng
5	Cải tạo nâng cấp Khu chôn lấp rác tại Bãi rác Phú Hưng		1.250	1.250		Ưu tiên triển khai dự án do cấp thiết về ổn định môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng
6	Đầu tư xây dựng CSHT Khu Công nghiệp Phú Thuận	50.627	113.219	62.592		Bổ sung vốn để triển khai các gói thầu còn lại, đảm bảo hoàn thành dự án trong năm 2025
7	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Phong Nấm		20.000	20.000		Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, đảm bảo hoàn thành dự án trong năm 2024



Phụ lục II

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH BẾN TRE NĂM 2024
(NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG)**

(Kèm theo Nghị quyết số 11 /2024/NQ-HĐND ngày 12 /7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)



DVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Bổ sung Kế hoạch năm 2024			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG	22.800	38.600	15.800		
1	Dự án phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu tại tỉnh Bến Tre	13.800	13.800			
2	Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	9.000	24.800	15.800		Bổ sung vốn để đảm bảo tỷ lệ giải ngân theo Hiệp định và đẩy nhanh tiến độ hoàn thành trong năm 2024